

Bản án số: 277/2019/HSPT

Ngày: 20-9-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Việt Cường**.

Các thẩm phán: Ông **Trương Minh Tuấn**.

Ông **Trần Quốc Cường**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Bùi Ngọc Đức** - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
Ông **Lê Ra** - Kiểm sát viên.

Ngày 20-9-2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 241/2018/TLPT-HS ngày 26-6-2018 đối với bị cáo **Phạm Thanh B** cùng đồng phạm, bị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam kết án về tội “Cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng”. Do có kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 08/2018/HSST ngày 04-5-2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

- Bị cáo bị kháng nghị:

1. Phạm Thanh B, sinh năm 1953, tại Cà Mau; nơi ĐKKHKT: thành phố Hà Nội; chỗ ở: Thành phố Hà Nội; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; trình độ văn hóa: 10/10; nghề nghiệp: nguyên Chủ tịch Hội đồng quản trị Tập đoàn V; nguyên Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam (đã bị khai trừ Đảng); con ông Phạm Bá T (đã chết) và bà Lê Thị Mộng T; vợ là Phạm Thúy H, sinh năm 1952 và có 02 con; tiền án, tiền sự: không.

- Nhân thân:

Ngày 30-8-2012, Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội xử phạt 20 năm tù về tội “Cố ý làm trái quy định Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng”. Thi hành án tại Trại giam V, tỉnh Vĩnh Phúc, trích xuất về Trại tạm giam Công an tỉnh Phú Yên từ ngày 18-8-2017, có mặt.

2. Võ T, sinh năm 1956, tại Phú Yên; nơi ĐKKHKT và chỗ ở: tỉnh Phú Yên; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; trình độ văn hóa: 10/10; nghề

ng nghiệp: nguyên Giám đốc Công ty Cổ phần công nghiệp X; nguyên Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam (đã có văn bản đề nghị xử lý về Đảng); con ông Võ L và bà Lê Thị L (đều đã chết); vợ là Nguyễn Thị Tuyết N, sinh năm 1958 và có 03 con (lớn nhất 36 tuổi, nhỏ nhất 29 tuổi); tiền án, tiền sự: không. Bị cáo tại ngoại, có mặt.

3. Dương Sơn H, sinh năm 1958, tại Phú Yên; nơi ĐKKHKT và chỗ ở: tỉnh Phú Yên; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: nguyên Kế toán Công ty Cổ phần công nghiệp X; nguyên Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam (đã tạm đình chỉ sinh hoạt Đảng); con ông Dương Sơn H (đã chết) và bà Lê Thị H; vợ là Trần Thị Mỹ H, sinh năm 1957 và có 04 con (lớn nhất 39 tuổi, nhỏ nhất 30 tuổi); tiền án, tiền sự: không. Bị cáo tại ngoại, có mặt.

Những người tham gia tố tụng có liên quan đến kháng nghị:

- *Người bào chữa cho bị cáo Phạm Thanh B:*

Luật sư **Nguyễn Hương Q** - Văn phòng Luật sư P, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Phú Yên, có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Võ T và bị cáo Dương Sơn H:*

Luật sư **Đoàn Cửu V** - Văn phòng Luật sư K, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Phú Yên, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Nguyên đơn dân sự:* Công ty Cổ phần công nghiệp X; địa chỉ: tỉnh Phú Yên; do ông **Lê Trường S**, sinh năm 1982; địa chỉ cư trú: tỉnh Phú Yên; Chức vụ: Giám đốc Công ty làm đại diện, có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Ông Huỳnh Văn C, sinh năm 1955; địa chỉ cư trú: tỉnh Phú Yên, có mặt.

+ Ông Đặng Văn C1, sinh năm 1968; địa chỉ cư trú: thành phố Hải Phòng, có mặt.

+ Ông Ngô Công V, sinh năm 1969; địa chỉ cư trú: tỉnh Phú Yên, vắng mặt.

+ Ông Nguyễn Đ, sinh năm 1955; địa chỉ cư trú: tỉnh Phú Yên, có mặt.

+ Ông Nguyễn Hùng L, sinh năm 1962; tỉnh Phú Yên, vắng mặt.

+ Ông Trần Văn T1, sinh năm 1974; địa chỉ cư trú: tỉnh Phú Yên, vắng mặt.

+ Ông Hoàng Gia T2, sinh năm 1974; địa chỉ cư trú: tỉnh Phú Yên, vắng mặt.

+ Ông Phạm Văn T3, sinh năm 1974; địa chỉ cư trú: tỉnh Phú Yên, vắng mặt.

+ Ông Phan Minh T4, sinh năm 1975; địa chỉ cư trú: tỉnh Phú Yên, vắng mặt.

+ Bà Lê Thị T5, sinh năm 1959; địa chỉ cư trú: tỉnh Phú Yên, vắng mặt.

+ Ông Trần Quang V1, sinh năm 1958; địa chỉ cư trú: Hải Phòng, có mặt.

+ Bà Trần Thị T, sinh năm 1960; địa chỉ cư trú: Phú Yên, có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Ông Lê Tấn V2, sinh năm 1955; địa chỉ cư trú: tỉnh Phú Yên, vắng mặt.

+ Ông Trần Kim H, sinh năm 1963; địa chỉ cư trú: tỉnh Phú Yên, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- + Bà Nguyễn Ánh L, sinh năm 1971; địa chỉ cư trú: tỉnh Phú Yên, vắng mặt.
- + Bà Nguyễn Thị R, sinh năm 1962; địa chỉ cư trú: tỉnh Phú Yên, vắng mặt.
- + Tổng Công ty công nghiệp Y; địa chỉ: Thành phố Hà Nội; do bà Nguyễn Thị Ánh N, sinh năm 1983; địa chỉ cư trú: Thành phố Hà Nội; chức vụ: Phó trưởng Ban Luật và Hợp tác quốc tế làm đại diện (được Quyền Tổng giám đốc Tổng công ty Công nghiệp Y ủy quyền bằng Văn bản số: 629/UQ-CNT ngày 10-4-2017), có đơn xin xét xử vắng mặt.
- + Ngân hàng Thương mại Cổ phần T Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Phú Yên; địa chỉ: tỉnh Phú Yên; do ông Lâm Văn C, sinh năm 1964; chức vụ: Cán bộ xử lý nợ làm đại diện (được Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng Thương mại cổ phần T Việt Nam ủy quyền bằng Văn bản số: 679/UQ-HĐQT-NHCT18 ngày 10-7-2017), có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty Cổ phần công nghiệp X, tiền thân là Xí nghiệp Đông lạnh xuất khẩu T được Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên thành lập theo Quyết định số 1075/VB-QĐ ngày 02-12-1992. Năm 1995, đổi tên thành Công ty sản xuất nông thủy sản xuất nhập khẩu T.

Ngày 27-3-2001, Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Quyết định số 797/QĐ-BGTVT về việc tiếp nhận doanh nghiệp Nhà nước: Công ty sản xuất nông thủy sản xuất nhập khẩu T làm đơn vị thành viên của Tổng Công ty công nghiệp Y Việt Nam (Tập đoàn V). Tháng 12-2001, đổi tên thành Công ty công nghiệp X, tên giao dịch quốc tế là X, kinh doanh đa ngành nghề, trong đó có ngành đóng mới và sửa chữa tàu thuyền, phương tiện nổi.

Ngày 18-4-2007, Tập đoàn V có Quyết định 1062/QĐ/CNTT/TCCB-LĐ thành lập Công ty mẹ - Tổng Công ty công nghiệp Y Nam Triệu (sau đây viết tắt là V Nam Triệu) tổ chức và hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con. Theo đó, Công ty công nghiệp X là đơn vị thành viên của V Nam Triệu.

Ngày 31-7-2007, Công ty công nghiệp X, được Tập đoàn V cho phép cổ phần hóa và đổi tên thành Công ty Cổ phần công nghiệp X, có vốn điều lệ là 18.126.000.000 đồng. Ngày 23-5-2008, Tập đoàn V phê duyệt vốn điều lệ điều chỉnh của Công ty Cổ phần công nghiệp X là 16.226.140.000 đồng, trong đó Tập đoàn V chiếm 64,77%, V Nam Triệu chiếm 22,34%, cổ phần người lao động chiếm 12,89%. Đến ngày 08-6-2008, Tập đoàn V có Quyết định số 1775/QĐ-CNT-ĐMDN thực hiện cổ phần hóa, Công ty công nghiệp X chính thức chuyển đổi thành Công ty Cổ phần công nghiệp X, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3603000125 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Yên cấp ngày ngày 06-8-2008. Tuy đã tiến hành cổ phần hóa, nhưng Công ty Cổ phần công nghiệp X chưa phát hành bán cổ phiếu ra bên ngoài, nên thực chất vốn kinh doanh của Công ty vẫn 100%

là vốn Nhà nước.

Ngày 15-5-2007, Võ T là Giám đốc Công ty Cổ phần công nghiệp X ký Tờ trình số 20/TTr-CT gửi Tổng Giám đốc V Nam Triệu xin chủ trương mở thêm ngành kinh doanh vận tải thủy và được ông Trần Quang V1 (Tổng Giám đốc) bút phê “đồng ý”, cho phép Công ty Cổ phần công nghiệp X lập đề án xin phép Tập đoàn thêm đội tàu gồm 02 Tàu 6800T, 02 Tàu 4000T. Trước khi Võ T ký tờ Trình số 20/TTr-CT nêu trên, thì đã có chủ trương của Tập đoàn V và đồng ý “bằng miệng” của Phạm Thanh B - Chủ tịch Tập đoàn V.

Ngày 15-10-2007, Võ T ký Tờ trình số 37/TT-CT xin Tập đoàn V cho chủ trương đầu tư xây dựng đội tàu gồm 02 Tàu 6800T, 02 Tàu 4000T. Ngày 22-10-2007, Tập đoàn V có Quyết định số 3395/QĐ-CNT-KHĐT cho phép Công ty Cổ phần công nghiệp X lập dự án đầu tư đóng mới 02 Tàu 4000 DWT, với tổng mức đầu tư dự tính là 150.000.000.000 đồng, chỉ định đơn vị tư vấn là Công ty Cổ phần V - Tư vấn đầu tư, đơn vị thiết kế là Công ty TNHH MTV Tư vấn và thiết kế Công nghiệp Y (đều thuộc Tập đoàn V). Mặc dù, Lãnh đạo Tập đoàn mới cho phép lập dự án, nhưng cùng ngày 22-10-2007, Võ T đã lập Tờ trình số 39/TT-CT, xin khởi công, thực hiện 02 Tàu 4000 DWT và được Phạm Thanh B bút phê “đồng ý”.

Khi mới có quyết định cho phép lập Dự án đóng 02 Tàu 4000 DWT, nhưng tháng 10-2007, Võ T thỏa thuận “bằng miệng” với Phạm Thanh Phong là Giám đốc Công ty Cổ phần V - Tư vấn đầu tư, lập đề cương và dự án đóng 02 Tàu 4000 DWT, khi nào dự án được duyệt thì sẽ ký hợp đồng và thanh toán tiền lập dự án sau. Khoảng cuối năm 2007, Công ty Cổ phần V - Tư vấn đầu tư đã tiến hành lập dự án và gửi bằng đường bưu điện cho Công ty Cổ phần công nghiệp X. Theo tài liệu Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cung cấp, thì Công ty Cổ phần V - Tư vấn đầu tư (nay là Công ty Cổ phần tư vấn đầu tư CV), có trụ sở tại Thành phố Hà Nội, trước tháng 4-2015, Chủ tịch Hội đồng quản trị là ông Phạm Thanh P, sinh ngày 31-3-1958, đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thành phố Hà Nội, nhưng qua xác minh, tại địa chỉ nêu trên không có Công ty cổ phần tư vấn đầu tư CV, hiện nay ông P đã chết.

Cùng thời điểm tháng 10-2007, Võ T gặp Nguyễn Khắc H là Giám đốc Công ty TNHH MTV Tư vấn và thiết kế Công nghiệp Y tại Hà Nội, đặt thiết kế 02 Tàu 4000 DWT, hai bên thỏa thuận “bằng miệng” khi nào thiết kế xong thì gửi hồ sơ và hợp đồng vào Phú Yên để Võ T ký và sẽ chuyển tiền thanh toán sau. Tháng 11-2007, Công ty TNHH MTV Tư vấn và thiết kế Công nghiệp Y thiết kế xong phần vỏ (khoảng 50% công việc) 01 Tàu tải trọng 4.154,49 DWT (tính cả phần bồn dầu và bồn dầu dự trữ, vì vậy khi thi công gọi là Tàu 4100 DWT), được Cục Đăng kiểm Việt Nam chứng nhận duyệt thiết kế ngày 11-12-2007. Sau khi thiết kế được duyệt, Công ty TNHH MTV Tư vấn và thiết kế Công nghiệp Y gửi hồ sơ thiết kế và Hợp đồng số 79/HĐ-CTTK ngày 10-11-2017 trị giá 600.000.000 đồng, ký sẵn bên thiết kế (bên B), đề nghị Võ T ký bên A và thanh toán 50% tiền cho bên thiết kế, nhưng đến nay Võ T chưa ký hợp đồng và chưa trả tiền thiết kế. Khoảng năm 2008, Công ty TNHH MTV Tư vấn và thiết kế Công nghiệp Y giải thể và sáp nhập vào Trung tâm nghiên cứu thử nghiệm kiểm định Y, thuộc Viện Khoa học công nghệ Y (hiện nay

Trung tâm nghiên cứu thử nghiệm và kiểm định Y không còn hoạt động).

Ngày 27-12-2007, Dương Sơn H là Kế toán Công ty Cổ phần công nghiệp X ký nháy và Võ T ký Tờ trình số 72/TTr gửi Tập đoàn V xin phê duyệt đề cương và dự toán kinh phí chuẩn bị đầu tư dự án đóng 02 Tàu 4000 DWT. Ngày 09-01-2008, Tập đoàn V có Quyết định số 47/QĐ phê duyệt đề cương và dự toán kinh phí chuẩn bị đầu tư, chấp thuận đơn vị lập dự án là Công ty Cổ phần V - Tư vấn đầu tư và chỉ định đơn vị thẩm tra dự án là Công ty Cổ phần tư vấn đầu tư Hoàng Anh. Khi chưa có quyết định phê duyệt đề cương, dự toán kinh phí chuẩn bị đầu tư, cho phép lập dự án, chưa lập xong dự án, nhưng ngày 27-12-2007, Dương Sơn H ký nháy và Võ T ký tờ trình số 73/TTr gửi Tập đoàn V xin phê duyệt dự án đóng 02 Tàu 4000 DWT.

Khi mới có chủ trương thành lập đội tàu, nhưng chưa tiến hành các thủ tục chuẩn bị đầu tư, lập dự án thẩm định phê duyệt theo quy định, thì ngày 12-6-2007, Võ T đã tiến hành ký Hợp đồng kinh tế số 08/HĐ-TRANS với Xí nghiệp Vận tải thủy bộ và Dịch vụ hàng hải Sài Gòn (có chữ ký nháy của Dương Sơn H và Huỳnh Văn C) mua 538.073 kg thép trị giá 8.255.751.968 đồng (bao gồm 5% VAT) để phục vụ đóng 02 Tàu 4000 DWT (việc mua thép trước đó có sự chỉ đạo “bằng miệng” của Phạm Thanh B) và ngày 22-10-2007, Công ty Cổ phần công nghiệp X lập Tờ trình số 39/TTr gửi Tập đoàn V xin khởi công đóng mới 02 Tàu 4000 DWT và được Phạm Thanh B bút phê “đồng ý”. Ngày 19-12-2007, Công ty Cổ phần công nghiệp X xuất kho 153.734,4 kg thép và tiến hành đóng 02 Tàu 4100 DWT.

Ngày 08-01-2008, Võ T tiếp tục ký Hợp đồng kinh tế số 01PY-SG/2008 với Xí nghiệp vận tải thủy bộ và Dịch vụ hàng hải Sài Gòn (có ký nháy của Dương Sơn H, Huỳnh Văn C) mua 1.210.074,3 kg thép, trị giá 20.878.211.732 đồng (đã bao gồm 5% VAT) để đóng tàu. Tổng cộng, Công ty Cổ phần công nghiệp X đã mua 1.748.147,3kg thép, với số tiền là 29.133.963.700 đồng (đã gồm VAT) để đóng 01 Tàu 4100 DWT. Quá trình đóng Tàu 4100 DWT, Phạm Thanh B nhiều lần đến kiểm tra.

Dự án đóng 02 Tàu 4000 DWT (4100 DWT) không được hoàn chỉnh hồ sơ để trình Tập đoàn V phê duyệt, Ngân hàng T Phú Yên dừng cho vay vốn, nên tháng 10-2008, Tàu 4100 DWT dừng thi công. Tổng giá trị khối lượng vật tư, nhân công và chi phí đầu tư đóng Tàu 4100 DWT là 9.637.739.000 đồng, trong đó số lượng thép xuất để thi công là 522.674 kg, thành tiền là 7.688.872.486 đồng, chưa tính VAT (trong đó có 487.941,8 kg thép, trị giá 7.207.275.170 đồng, mua theo 02 hợp đồng nêu trên và 34.732,2 kg thép, trị giá 481.597.316 đồng, ngoài 02 hợp đồng). Sau khi dừng thi công, Công ty bán toàn bộ số thép chưa sử dụng, tổng cộng là 1.130.582,3 kg (mua để đóng Tàu 4100 DWT theo 02 hợp đồng trên, nhưng chưa sử dụng), với số tiền là 15.160.341.964 đồng, số thép còn lại 128.668 kg, đã sử dụng đóng Tàu 4000 DWT cho Công ty Cổ phần vận tải công nghiệp Y Bình Định. Ngày 22-6-2012, Công ty Cổ phần công nghiệp X bán thanh lý Tàu 4100 DWT cho Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Trang Thảo tại Thành phố Hồ Chí Minh được 4.973.403.292 đồng, trừ thuế giá trị gia tăng 452.127.572 đồng, còn lại 4.521.275.720 đồng.

Để có vốn đóng Tàu 4100 DWT, Võ T và Dương Sơn H thỏa thuận với Ngân hàng T Phú Yên và chỉ đạo bộ phận Kế toán của Công ty lập phương án và đề nghị

vay 45.000.000.000 đồng, thời gian vay ngắn hạn 12 tháng, khi nào dự án được phê duyệt, Công ty Cổ phần công nghiệp X sẽ vay Công ty tài chính công nghiệp Y Việt Nam (VFC) để hoàn trả T Phú Yên. Ngày 12-6-2008, Võ T cùng Dương Sơn H làm các thủ tục vay vốn thực hiện dự án, T Phú Yên đã giải quyết cho vay theo 04 hợp đồng tín dụng (HĐTD số 1930 ngày 19-6-2008 vay 5.000.000.000 đồng, HĐTD số 1994 ngày 25-6-2008 vay 5.000.000.000 đồng, HĐTD số 2056 ngày 01-7-2008 vay 6.158.320.044 đồng và HĐTD số 2270 ngày 23-7-2008 vay 897.916.003 đồng), tổng số là 17.056.236.047 đồng, thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay là Tàu 4100 DWT và 02 thư bảo lãnh vay vốn kinh doanh chung của V Nam Triệu 70.000.000.000 đồng và Tập đoàn V 30.000.000.000 đồng.

Ngoài số tiền vay trên, trong năm 2007, Công ty Cổ phần công nghiệp X còn sử dụng số tiền 12.077.727.653 đồng, từ nguồn vốn vay dự án đóng một Tàu 4000 DWT của Công ty Cổ phần vận tải công nghiệp Y Bình Định cho việc mua vật tư đóng Tàu 4100 DWT.

Tổng hai khoản tiền trên là 29.133.963.700 đồng, Công ty Cổ phần công nghiệp X đã sử dụng để mua 1.748.147,3 kg thép phục vụ việc đóng Tàu 4100 DWT. Sau khi bán thép tồn kho, bán thanh lý Tàu 4100 DWT, Công ty Cổ phần công nghiệp X đã sử dụng tiền chi trả lương công nhân, tiền điện, trả T Phú Yên 6.131.442.182 đồng, còn nợ gốc vay đóng Tàu 4100 DWT là 10.924.794.000 đồng.

Ngày 12-12-2011, T Phú Yên khởi kiện, yêu cầu Công ty Cổ phần công nghiệp X phải trả tiền còn nợ quá trình vay để phục vụ sản xuất kinh doanh chung là 70.913.956.858 đồng (nợ gốc 36.300.000.000 đồng, nợ lãi 34.600.000.000 đồng). Tại Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 08/2013/KDTM-ST ngày 20-9-2013, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên buộc Công ty Cổ phần công nghiệp X phải có trách nhiệm thanh toán cho T Phú Yên số tiền 70.913.956.858 đồng; trường hợp Công ty Cổ phần công nghiệp X không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán, thì T Phú Yên được quyền yêu cầu phát mại một số tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ; trường hợp phát mại hết tài sản nhưng không đủ trả nợ, thì những người bảo lãnh phải có trách nhiệm thanh toán theo tỷ lệ Tập đoàn V Việt Nam 30% và V Nam Triệu 70%. Căn cứ bản án trên, ngày 07-7-2016, Tập đoàn V Việt Nam bị cưỡng chế thi hành án số tiền 18.238.579.746 đồng để trả cho T Phú Yên. T Phú Yên trích thu 5.843.616.003 đồng tiền gốc đối với Hợp đồng tín dụng số 1930 ngày 19-6-2008 và Hợp đồng tín dụng số 2270 ngày 23-7-2008.

Tính đến ngày 31-10-2016, phần vay đóng Tàu 4100 DWT của Công ty Cổ phần công nghiệp X còn nợ gốc 5.026.877.862 đồng và nợ lãi 10.689.442.396 đồng.

Kết quả giám định:

- Tại Kết luận giám định ngày 03-10-2014, Giám định viên tư pháp thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Yên kết luận:

Dự án đầu tư đóng Tàu 4100 DWT của Công ty Cổ phần công nghiệp X khi chưa được cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt dự án là không thực hiện đúng các Điều 4, 10, 11, 12, 13, 14, 21, 26 và 33 của Nghị định số 52/1999/NĐ-CP ngày

08-7-1999 của Chính phủ về quản lý đầu tư và xây dựng. Việc mua - bán theo 02 Hợp đồng số 08/HĐ-TRANS ngày 12-6-2007 và Hợp đồng số 01PY-SG/2008 ngày 08-01-2008 là hoạt động mua bán thép tấm, không có nội dung mua thép phục vụ cho đóng Tàu 4100, là hoạt động thông thường của Công ty.

- Tại Kết luận giám định ngày 06-6-2016, Giám định viên tư pháp thuộc Sở Tài chính tỉnh Phú Yên kết luận:

Việc thực hiện dự án đầu tư đóng Tàu 4100 DWT của Công ty Cổ phần công nghiệp X gây thiệt hại 21.105.663.036 đồng gồm:

+ *Thiệt hại 5.116.465.463 đồng (phần tiền vật tư và chi phí sản xuất).*

+ *Thiệt hại phần bán thép tồn kho 3.340.852.422 đồng.*

+ *Thiệt hại về phần lãi vay Ngân hàng Viettinbank 12.648.335.151 đồng.*

- Tại Kết luận giám định số 290 ngày 5-12-2016, Giám định viên tư pháp kỹ thuật hình sự kết luận:

Chữ ký trên lễ Tờ trình 39/TT-CT ngày 22-10-2007 của Công ty Cổ phần công nghiệp X v/v xin khởi công tiến hành đóng mới 2 Tàu 4000 DWT và các chữ ký của Phạm Thanh B trong các văn bản gửi đến giám định là do cùng một người ký ra.

- Tại Kết luận giám định ngày 26-12-2016, Giám định viên tư pháp thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Phú Yên kết luận:

Việc vay vốn để thực hiện dự án đầu tư đóng tàu 4100 DWT của Công ty Cổ phần công nghiệp X khi chưa được cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt chưa có quy định cụ thể, nên chưa xác định được hành vi vi phạm; việc đã vay vốn và đầu tư trực tiếp vào dự án đóng Tàu 4100 DWT số tiền 9.637.739.000 đồng, không đủ căn cứ xác định được số tiền lãi.

- Ngày 07-11-2016, Ngân hàng Thương mại Cổ phần T Việt Nam - Chi nhánh Phú Yên có Văn bản số 1357/NHCT-PY gửi Cơ quan an ninh điều tra Công an tỉnh Phú Yên, có nội dung:

Không xác định được số tiền lãi cụ thể đối với số tiền vay đã sử dụng đóng Tàu 4100 DWT.

Như vậy, kết quả giám định bổ sung để xác định thiệt hại việc mua bán thép đóng tàu, Giám định viên Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Phú Yên kết luận việc mua bán thép này là hoạt động thông thường của Công ty. Thiệt hại về phần lãi vay ngân hàng, giám định và giám định bổ sung lĩnh vực ngân hàng xác định không đủ căn cứ kết luận thiệt hại tiền lãi đối với số tiền đã đầu tư vào đóng Tàu 4100 DWT, nên không đủ cơ sở xác định thiệt hại số tiền 3.340.852.422 đồng (bán thép tồn kho) và 12.648.335.151 đồng (phần lãi vay ngân hàng), còn lại **5.116.465.463 đồng** đã đầu tư vật tư, chi phí vào việc thực hiện dự án đóng Tàu 4100DWT được xác định là thiệt hại trong vụ án.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 08/2018/HSST ngày 04-5-2018, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên:

Tuyên bố các bị cáo Phạm Thanh B, Võ T và Dương Sơn H phạm tội “Cố ý làm

trái quy định của nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng”.

- Áp dụng khoản 3 Điều 165 của Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm b, s, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 41 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với các bị cáo; khoản 2 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo H; Điều 56 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo B; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với các bị cáo T, H; xử phạt:

- **Phạm Thanh B 03 (ba)** năm tù. Tổng hợp với hình phạt 20 năm tù về tội “Cố ý làm trái quy định của nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng” tại Bản án hình sự phúc thẩm số 454/2012/HSPT ngày 30-8-2012 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội, buộc Phạm Thanh B phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 23 (hai mươi ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 04-8-2010.

Cấm bị cáo đảm nhiệm các chức vụ liên quan đến công tác quản lý tài chính trong cơ quan nhà nước và tổ chức kinh tế trong thời hạn 05 (năm) năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

- **Võ T 03 (ba)** năm tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 05 (năm) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- **Dương Sơn H 02 (hai)** năm tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 04 (bốn) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo: Võ T cho UBND xã H1, huyện Đ, tỉnh Phú Yên; Dương Sơn H cho UBND phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên giám sát và giáo dục các bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp Võ T, Dương Sơn H thay đổi nơi cư trú, thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Cấm các bị cáo: Võ T, Dương Sơn H đảm nhiệm các chức vụ liên quan đến công tác quản lý tài chính trong cơ quan nhà nước và tổ chức kinh tế trong thời hạn 03 (ba) năm kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định trách nhiệm bồi thường dân sự, án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

- Tại Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 24/QĐ-VC2 ngày 01-6-2018, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm theo hướng hủy bản án sơ thẩm nêu trên để điều tra lại, tăng hình phạt tù đối với các bị cáo Phạm Thanh B, Võ T và Dương Sơn H, không cho các bị cáo T, H được hưởng án treo, xem xét trách nhiệm hình sự đối với các ông Huỳnh Văn C và Đặng Văn C1.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm c khoản 1 Điều 355 và Điều 358 của Bộ luật Tố tụng hình sự: hủy Bản án hình sự sơ thẩm số 08/2018/HSST ngày 04-5-2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên đối với các bị cáo Phạm Thanh B, Võ T và Dương Sơn H để điều tra lại, tăng hình phạt tù đối với các bị cáo Phạm Thanh B, Võ

T và Dương Sơn H, không cho các bị cáo T, H được hưởng án treo, xem xét trách nhiệm hình sự đối với các ông Huỳnh Văn C và Đặng Văn C1 theo đúng quy định của pháp luật.

Luật sư bào chữa cho các bị cáo cho rằng dự án đóng mới 02 Tàu 4000 DWT đã được V Nam Triệu và Tập đoàn V đồng ý về mặt chủ trương. Để tạo công ăn việc làm cho cán bộ công nhân viên công ty, thì cần nhanh chóng hoàn thiện tàu đưa vào khai thác vận tải thủy; do đó, các bị cáo đã thế chấp tài sản hình thành trong tương lai, kèm theo đó là thư bảo lãnh của V Nam Triệu và Tập đoàn V vay vốn Ngân hàng để thực hiện dự án. Tuy nhiên, tại thời điểm này, do tình hình khó khăn chung của đất nước, việc đóng mới tàu không được hoàn chỉnh hồ sơ để trình Tập đoàn V phê duyệt, Ngân hàng T Phú Yên dừng cho vay vốn, nên việc dừng thi công đóng mới Tàu 4100 DWT là ngoài ý muốn chủ quan của các bị cáo. Ngoài ra, sau khi phạm tội, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện khắc phục hậu quả; nhân thân các bị cáo tốt, được tặng nhiều huân huy chương, nhiều bằng khen và giấy khen; gia đình các bị cáo có truyền thống cách mạng. Vì vậy, Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm đối với các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Công ty Cổ phần công nghiệp X là đơn vị thành viên của Tổng Công ty Công nghiệp Y Nam Triệu (V Nam Triệu), thuộc Tổng Công ty Công nghiệp Y Việt Nam (Tập đoàn V) .

Tuy mới có chủ trương thành lập đội tàu, chưa tiến hành các thủ tục chuẩn bị đầu tư, lập dự án thẩm định phê duyệt theo quy định của pháp luật, nhưng ngày 12-6-2007, Võ T là Giám đốc Công ty Cổ phần công nghiệp X đã ký Hợp đồng kinh tế số 08/HĐ-TRANS với Xí nghiệp Vận tải thủy bộ và Dịch vụ hàng hải Sài Gòn mua 538.073 kg thép, trị giá 8.255.751.968 đồng để phục vụ đóng 02 tàu 4000 DWT.

Ngày 22-10-2007, Lãnh đạo Tập đoàn V cho phép Công ty Cổ phần công nghiệp X lập Dự án đầu tư đóng mới 02 tàu 4000 DWT (4100 DWT), với tổng mức đầu tư dự tính 150.000.000.000 đồng. Mặc dù, chưa lập dự án, nhưng cùng ngày 22-10-2007, Võ T đã lập Tờ trình số 39/TT-CT xin khởi công, thực hiện đóng tàu 4100 DWT và được Phạm Thanh B bút phê “đồng ý”. Ngày 19-12-2007, Công ty Cổ phần công nghiệp X xuất kho 153.734,4 kg thép và tiến hành đóng 02 Tàu 4100 DWT.

Theo sự chỉ đạo của Võ T, Dương Sơn H soạn thảo đề T ký Hợp đồng kinh tế số 01PY-SG/2008 ngày 08-01-2008 với Xí nghiệp vận tải thủy bộ và Dịch vụ hàng hải Sài Gòn (có chữ ký nháy của Dương Sơn H và Huỳnh Văn C) mua 1.210.074,3 kg thép, trị giá 20.878.211.732 đồng để đóng tàu. Tổng cộng, Công ty Cổ phần công nghiệp X đã mua 1.748.147,3 kg thép, với số tiền là 29.133.963.700 đồng để đóng

01 tàu 4100 DWT. Quá trình đóng tàu 4100 DWT, Phạm Thanh B nhiều lần đến kiểm tra.

Để có vốn đóng Tàu 4100 DWT, ngày 12-6-2008, Võ T và Dương Sơn H làm các thủ tục vay tiền và được T Phú Yên giải quyết cho vay theo 04 hợp đồng tín dụng, với tổng số tiền là 17.056.236.047 đồng. Ngoài số tiền vay này, trong năm 2007, Công ty Cổ phần công nghiệp X còn sử dụng số tiền 12.077.727.653 đồng (từ nguồn vốn vay dự án đóng một Tàu 4000 DWT của Công ty Cổ phần vận tải công nghiệp Y Bình Định) cho việc mua vật tư đóng Tàu 4100 DWT.

Như vậy, tổng hai khoản tiền trên là 29.133.963.700 đồng (17.056.236.047 đồng, vay của Ngân hàng Viettinbank + 12.077.727.653 đồng, ứng từ nguồn vốn vay dự án đóng một Tàu 4000 DWT của Công ty Cổ phần vận tải công nghiệp Y Bình Định). Công ty Cổ phần công nghiệp X đã sử dụng để mua 1.748.147,3 kg thép phục vụ việc đóng Tàu 4100 DWT (538.073 kg thép, theo Hợp đồng kinh tế số 08/HĐ-TRANS + 1.748.147,3 kg thép, theo Hợp đồng kinh tế số 01PY-SG/2008 ngày 08-01-2008, điều của Xí nghiệp vận tải thủy bộ và Dịch vụ hàng hải Sài Gòn).

Tuy nhiên, Dự án đóng 02 Tàu 4000 DWT (4100 DWT) không được hoàn chỉnh hồ sơ để trình Tập đoàn V phê duyệt, nên Ngân hàng T Phú Yên dừng cho vay vốn, do đó tháng 10-2008, phải dừng thi công đóng Tàu 4100 DWT. Sau khi dừng thi công, Công ty Cổ phần công nghiệp X tiến hành bán toàn bộ số thép chưa sử dụng, tổng cộng là 1.130.582,3 kg (mua để đóng Tàu 4100 DWT theo 02 hợp đồng trên, nhưng chưa sử dụng), với số tiền là 15.160.341.964 đồng. Số thép còn lại là 128.668 kg, Công ty sử dụng đóng Tàu 4000 DWT cho Công ty Cổ phần vận tải công nghiệp Y Bình Định (đã ứng nguồn tiền vay trước đó). Đến ngày 22-6-2012, Công ty Cổ phần công nghiệp X bán thanh lý Tàu 4100 DWT cho Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Trang Thảo tại Thành phố Hồ Chí Minh được 4.973.403.292 đồng, trừ thuế giá trị gia tăng 452.127.572 đồng, còn lại 4.521.275.720 đồng.

Tổng giá trị khối lượng vật tư, nhân công và chi phí chung đầu tư đóng Tàu 4100 DWT là 9.637.739.000 đồng. Sau khi bán thép tồn kho, bán thanh lý Tàu 4100 DWT, Công ty Cổ phần công nghiệp X đã sử dụng chi trả lương công nhân, tiền điện, trả T Phú Yên 6.131.442.182 đồng, còn nợ gốc vay đóng Tàu 4100 DWT là 10.924.794.000 đồng.

Như vậy, tính đến ngày 31-10-2016, phần vay đóng Tàu 4100 DWT của Công ty Cổ phần công nghiệp X còn nợ gốc 5.026.877.862 đồng và nợ lãi 10.689.442.396 đồng.

- Tại Kết luận giám định ngày 06-6-2016, Giám định viên tư pháp thuộc Sở Tài chính tỉnh Phú Yên kết luận: *Việc thực hiện Dự án đầu tư đóng Tàu 4100 DWT của Công ty Cổ phần công nghiệp X gây thiệt hại là 21.105.663.036 đồng, gồm: Thiệt hại 5.116.465.463 đồng (phần tiền vật tư và chi phí sản xuất); thiệt hại phần bán thép tồn kho 3.340.852.422 đồng và thiệt hại về phần lãi vay Ngân hàng Viettinbank là 12.648.335.151 đồng.*

- Tại Công văn số 1357/NHCT-PY ngày 07-11-2016, Ngân hàng Thương mại cổ phần T Việt Nam - Chi nhánh Phú Yên gửi Cơ quan an ninh điều tra, Công an

tỉnh Phú Yên, có nội dung: *Không xác định được số tiền lãi cụ thể đối với số tiền vay đã sử dụng đóng Tàu 4100 DWT.*

- Tại Kết luận giám định ngày 26-12-2016, Giám định viên tư pháp thuộc Ngân hàng nhà nước Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Phú Yên kết luận: *việc vay vốn để thực hiện dự án đầu tư đóng tàu 4100 DWT của Công ty cổ phần công nghiệp X khi chưa được cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt chưa có quy định cụ thể, nên chưa xác định được hành vi vi phạm; việc đã vay vốn và đầu tư trực tiếp vào dự án đóng Tàu 4100 DWT số tiền 9.637.739.000 đồng, không đủ căn cứ xác định được số tiền lãi.*

Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào Kết luận giám định của Giám định viên tư pháp thuộc Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Phú Yên để xác định: *Không đủ cơ sở xác định thiệt hại số tiền 3.340.852.422 đồng (bán thép tồn kho) và căn cứ vào Kết luận giám định của Giám định viên tư pháp thuộc Ngân hàng nhà nước - Chi nhánh tỉnh Phú Yên để xác định: Không đủ căn cứ kết luận thiệt hại tiền lãi đối với số tiền đã đầu tư vào đóng Tàu 4100 DWT, nên không đủ cơ sở xác định thiệt hại số tiền 12.648.335.151 đồng (phần lãi vay ngân hàng), còn lại 5.116.465.463 đồng đã đầu tư vật tư, chi phí vào việc thực hiện dự án đóng Tàu 4100DWT được xác định là thiệt hại trong vụ án, để kết luận các bị cáo Phạm Thanh B, Võ T và Dương Sơn H không thực hiện đúng quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế dẫn đến hậu quả là gây thiệt hại số tiền 5.116.465.463 đồng, từ đó xử phạt Phạm Thanh B 03 (ba) năm tù, Võ T 03 (ba) năm tù, Dương Sơn H 02 (hai) năm tù, cùng về tội “Cố ý làm trái quy định của nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng”, nhưng cho Võ T và Dương Sơn H được hưởng án treo.*

Xác định Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt các bị cáo không nghiêm và còn bỏ lọt tội phạm; do đó, tại Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 24/QĐ-VC2 ngày 01-6-2018, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng hủy bản án hình sự sơ thẩm nêu trên để điều tra lại, tăng hình phạt tù đối với Phạm Thanh B, Võ T và Dương Sơn H, không cho các bị cáo T và H được hưởng án treo, xem xét trách nhiệm hình sự đối với các ông Huỳnh Văn C và Đặng Văn C1.

[2]. Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

[2.1]. Về tội danh:

Mặc dù, mới chỉ được Lãnh đạo Tập đoàn V cho phép lập dự án đầu tư đóng mới 02 Tàu 4000 DWT, với tổng mức đầu tư dự tính là 150.000.000.000 đồng, nhưng cùng ngày 22-10-2007, Võ T là Giám đốc Công ty Cổ phần công nghiệp X đã lập Tờ trình số 39/TT-CT, xin khởi công, thực hiện đóng 02 Tàu 4000 DWT và được Phạm Thanh B là Chủ tịch Hội đồng quản trị Tập đoàn V bút phê “đồng ý”. Theo chỉ đạo của Võ T, Dương Sơn H là Kế toán trưởng của Công ty Cổ phần công nghiệp X đã tham mưu, ký nháy để Võ T ký kết nhiều hợp đồng tín dụng để vay tiền và ký nhiều hợp đồng kinh tế để mua thép phục vụ cho việc đóng tàu. Quá trình thi công đóng mới tàu, Phạm Thanh B nhiều lần đến kiểm tra. Tuy nhiên, do dự án

đóng 02 Tàu 4000 DWT (4100 DWT) không được hoàn chỉnh hồ sơ để trình Tập đoàn V phê duyệt, Ngân hàng T - Chi nhánh Phú Yên dừng cho vay vốn, nên việc đóng mới Tàu 4100 DWT phải dừng thi công, dẫn đến thất thoát tài sản của Nhà nước số tiền 5.116.465.463 đồng. Hành vi của các bị cáo Phạm Thanh B, Võ T và Dương Sơn H là lợi dụng chức vụ, quyền hạn làm trái quy định về quản lý kinh tế, gây thiệt hại đến tài sản của Nhà nước. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm kết án các bị cáo về tội “Cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng” là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.2]. Về hình phạt:

- Đối với Phạm Thanh B: với chức vụ là Chủ tịch Hội đồng quản trị Tập đoàn V, là người có quyền lực cao nhất trong ngành Y Việt Nam, có trình độ, có kiến thức trong lĩnh vực quản lý tài chính. Bị cáo biết rõ trình tự, thủ tục xét duyệt dự án phải được thực hiện đúng quy định, lẽ ra khi Võ T có tờ trình xin thi công đóng tàu trước, bị cáo phải từ chối hoặc có trách nhiệm giải thích việc thi công trước khi lập dự án, chưa được cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt là trái pháp luật, nhưng vì mục đích cá nhân, bị cáo đã cho chủ trương và bút phê “đồng ý” cho mua vật tư để thi công đóng tàu trước, dẫn đến thiệt hại rất lớn về tài sản của Nhà nước, nên bị cáo giữ vai trò chính trong vụ án. Tuy nhiên, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như: thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện khắc phục hậu quả (100.000.000 đồng); có nhiều thành tích, được Nhà nước tặng 03 Huân chương lao động (hạng nhất, nhì, ba), 03 Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, 14 Bằng khen của nhiều bộ, ngành; nhiều kỷ niệm chương trên nhiều lĩnh vực và nhiều bằng khen của cấp tỉnh và cấp tương đương; có cha, mẹ, ông nội là người có công với cách mạng, do đó Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo mức án 03 năm tù là tương xứng với tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo.

- Đối với Võ T: là Giám đốc Công ty Cổ phần công nghiệp X, bị cáo có trình độ, có kiến thức trong lĩnh vực quản lý kinh tế, trong điều hành hoạt động của công ty, bị cáo hiểu rõ các quy định của pháp luật về chính sách đầu tư tài chính, nhưng do động cơ cá nhân, nên khi mới có chủ trương thành lập đội tàu, chưa tiến hành các thủ tục chuẩn bị đầu tư, lập dự án để thẩm định, phê duyệt, nhưng bị cáo đã tiến hành ký kết nhiều hợp đồng kinh tế để mua vật liệu, ký nhiều hợp đồng tín dụng vay tiền của Ngân hàng để thực hiện dự án đóng tàu. Khi dự án đóng tàu không được hoàn chỉnh hồ sơ để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt, Ngân hàng dừng cho vay vốn, việc đóng mới tàu phải dừng thi công, dẫn đến phải bán thanh lý tàu và vật liệu thi công tàu, từ đó làm thiệt hại đến tài sản của Nhà nước, do đó cần phải xử phạt bị cáo với hình phạt nghiêm khắc. Tuy nhiên, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như: thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện khắc phục hậu quả (900.000.000 đồng); quá trình công tác có nhiều năm đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua; cha bị cáo có công với cách mạng, nên Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 03 năm tù và cho bị cáo hưởng án treo cũng đủ tác dụng để cải tạo, giáo dục đối với bị cáo.

- Đối với Dương Sơn H: là Kế toán trưởng Công ty Cổ phần công nghiệp X. Sau khi được Võ T triển khai chủ trương của cấp trên cho phép lập dự án thi công

đóng tàu và mua trước vật tư, bị cáo đã tham mưu, ký nháy vào tờ trình phê duyệt đề cương, dự toán kinh phí chuẩn bị đầu tư vào tờ trình phê duyệt dự án đóng 02 tàu và vào hợp đồng mua thép, sau đó tiến hành các thủ tục vay tiền để thực hiện dự án đóng tàu. Trong vụ án này, bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với vai trò là người giúp sức, nên cần áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc. Cũng như các bị cáo khác, bị cáo Dương Sơn H có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như: thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện khắc phục hậu quả (700.000.000 đồng); quá trình công tác, nhiều năm liền đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua, được Bộ trưởng Bộ Tài chính tặng kỷ niệm chương; có cha ruột và mẹ vợ là người có công với cách mạng, có em ruột là liệt sĩ được tặng thưởng huân chương chiến công hạng 3; do đó, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng Điều 47 và Điều 60 của Bộ luật Hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo 02 năm tù (dưới mức thấp nhất của khung hình phạt liền kề) và cho bị cáo được hưởng án treo là thể hiện được chính sách nhân đạo của pháp luật.

[2.3]. Về xem xét trách nhiệm của những người có liên quan:

Trong vụ án này, ông Huỳnh Văn C và ông Đặng Văn C1 biết dự án đóng mới Tàu 4000 DWT chưa có quyết định phê duyệt, nhưng được Võ T quán triệt là lãnh đạo Tập đoàn V cho triển khai dự án, nên đã thực hiện theo sự chỉ đạo của Võ T, cụ thể:

- Đối với Huỳnh Văn C là Phó Giám đốc Nhà máy đóng tàu Phú Yên. Chín biết dự án đóng mới Tàu 4000 DWT chưa có quyết định phê duyệt, nhưng được Võ T quán triệt là lãnh đạo Tập đoàn V cho triển khai dự án, sẽ bổ sung quyết định phê duyệt sau. Do đó, khi thấy thiết kế đã được phê duyệt, Chín tin tưởng và đã thực hiện theo sự chỉ đạo của Võ T. Xét thấy, tuy Huỳnh Văn C thực hiện hành vi tìm đơn vị cung cấp thép, giúp Võ T ký hợp đồng mua vật tư thực hiện dự án, theo dõi việc nhập, xuất vật tư đóng Tàu 4100 DWT, nhưng khi thực hiện, Chín chưa nhận thức đầy đủ về tính pháp lý để thực hiện dự án. Do đó, các cơ quan tiến hành tố tụng tỉnh Phú Yên không xem xét truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Chín là có cơ sở.

- Đối với Đặng Văn C1 là Phó Giám đốc Công ty Cổ phần công nông nghiệp thủy sản Phú Yên. Mặc dù, biết dự án đóng mới Tàu 4000 DWT chưa có quyết định phê duyệt, nhưng được Võ T quán triệt là lãnh đạo Tập đoàn V đã cho triển khai dự án, Đặng Văn C1 đã thực hiện tích cực sự chỉ đạo của Võ T là phụ trách kỹ thuật đóng Tàu 4100 DWT. Tuy nhiên, khi phụ trách đóng tàu, Đặng Văn C1 chưa nhận thức đầy đủ về tính pháp lý của dự án và thủ tục thực hiện dự án không thuộc trách nhiệm trực tiếp của Đặng Văn C1; đồng thời, tại thời điểm đóng tàu, Tàu 4000 DWT đã có thiết kế (được Cục Đăng kiểm Việt Nam phê duyệt), nên Đặng Văn C1 căn cứ vào đó để thực hiện nhiệm vụ được giao. Do đó, hành vi của Đặng Văn C1 có mức độ, nên chưa đến mức phải truy cứu trách nhiệm hình sự.

Như vậy, kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đã được Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét, nhưng không có căn cứ để chấp nhận.

[3]. Về án phí hình sự: do Viện kiểm sát kháng nghị bản án sơ thẩm theo thủ tục phúc thẩm, nên các bị cáo Phạm Thanh B, Võ T và Dương Sơn H không phải

chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự;
- Không chấp nhận Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 24/QĐ-VC2 ngày 01-6-2018 của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.
- Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 08/2018/HSST ngày 04-5-2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên đối với các bị cáo Phạm Thanh B, Võ T và Dương Sơn H.

2. Áp dụng khoản 3 Điều 165 của Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm b, s, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 41 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với các bị cáo B, T và H; áp dụng khoản 2 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo H; áp dụng Điều 56 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo B; áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với các bị cáo T và H.

- Xử phạt: **Phạm Thanh B 03 (ba)** năm tù về tội “Cố ý làm trái quy định của nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng”. Tổng hợp với hình phạt 20 năm tù về tội “Cố ý làm trái quy định của nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng” tại Bản án hình sự phúc thẩm số 454/2012/HSPT ngày 30-8-2012 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội, buộc Phạm Thanh B phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 23 (hai mươi ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 04-8-2010.

Cấm bị cáo Phạm Thanh B đảm nhiệm các chức vụ liên quan đến công tác quản lý tài chính trong cơ quan nhà nước và tổ chức kinh tế trong thời hạn 05 (năm) năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

- Xử phạt: **Võ T 03 (ba)** năm tù về tội “Cố ý làm trái quy định của nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng”, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 05 (năm) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Võ T cho UBND xã H1, huyện Đ, tỉnh Phú Yên giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp Võ T thay đổi nơi cư trú, thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

- Xử phạt: **Dương Sơn H 02 (hai)** năm tù về tội “Cố ý làm trái quy định của nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng”, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 04 (bốn) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Dương Sơn H cho UBND phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp Dương Sơn H thay đổi nơi cư trú, thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Cấm các bị cáo: Võ T, Dương Sơn H đảm nhiệm các chức vụ liên quan đến công tác quản lý tài chính trong cơ quan nhà nước và tổ chức kinh tế trong thời hạn 03 (ba) năm kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

3. Các quyết định khác được thực hiện theo Bản án hình sự sơ thẩm số 08/2018/HSST ngày 04-5-2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Yên;
- TANDTC - Vụ I;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- Cơ quan ANĐT Công an tỉnh Phú Yên;
- Trại tạm giam, Công an tỉnh Phú Yên (02 bản, để giao cho bị cáo B 01 bản);
- Sở Tư pháp tỉnh Phú Yên;
- Sở Tư pháp Thành phố Hà Nội;
- Cục THA dân sự tỉnh Phú Yên;
- Các bị cáo: T, H (theo đ/chỉ nêu trên);
- Nguyên đơn dân sự (theo đ/chỉ nêu trên);
- Lưu: h/sơ vụ án, các Phòng HCTP, LTHS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Việt Cường